

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2019

V/v ly hôn giữa bà L và ông Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỞC TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hương L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 388, Tổ nhân dân tự quản số 10, ấp Hòa T, xã A, huyện C, tỉnh B.
(có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồ Hiệp Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện Cần Đ, tỉnh Long An. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hương L trình bày: bà và ông Đ cưới nhau vào năm 2006, do tìm hiểu tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2006 tại UBND xã Long H, huyện Cần Đ, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà ông Đ được khoảng 06 tháng thì có mâu thuẫn nên bà về nhà bà sinh sống, vợ chồng cũng có qua lại nhưng không thường xuyên sống cùng nhau, đến năm 2009 thì ông Đ về sống hẳn bên nhà ông Đ, vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ông Đ cũng không có thiện chí hàn gắn với bà. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Đ, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Đỗ Hiệp Đ, sinh ngày 13/6/2007 và Nguyễn Diệu M, sinh ngày 30/7/2009 hiện đang sống với bà từ lúc vợ chồng ly thân. Do đó, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi 02 con.

Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Hồ Hiệp Đ trình bày: thời gian cưới nhau và con chung đúng như bà L trình bày trong đơn khởi kiện. Thời gian đầu vợ chồng sống cũng hạnh phúc, sau đó do bất đồng quan điểm về nơi sinh sống nên vợ chồng mâu thuẫn nhau. Ông muốn bà L về nhà ông sống nhưng bà L muốn sống tại nhà bà L, từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau và ly thân từ năm 2010 đến nay. Trong thời gian ly thân ông có về quê bà L để yêu cầu bà L về nhà ông sống nhưng bà L không đồng ý nên vợ chồng không còn khả năng hàn gắn với nhau, nay ông đồng ý ly hôn với bà L. Ông đồng ý để bà L tiếp tục nuôi 02 con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải giữa các đương sự nên việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Hồ Hiệp Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Nguyễn Hồ Hiệp Đ .

[2]. Về nội dung: Bà Đỗ Thị Hương L và ông Nguyễn Hồ Hiệp Đ cưới nhau vào năm 2006, do tìm hiểu tự nguyện, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2006 tại UBND xã Long Hựu Tây, huyện Cần Đ, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đ là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo bà L và ông Đ trình bày do trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau, không thống nhất với nhau về nơi chung sống của vợ chồng dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2010 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm đến nhau.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà L và ông Đ đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian vợ chồng ly thân nhau cũng đã lâu. Bà L yêu cầu ly hôn, ông Đ cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống nên cần chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Đ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về nuôi con chung: bà L và ông Đ có hai con chung tên Nguyễn Đỗ Hiệp Đ, sinh ngày 13/6/2007 và Nguyễn Diệu M, sinh ngày 30/7/2009 hiện đang chung sống với bà L, bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với bà L đang có cuộc sống ổn định, mặt khác hai con chung cũng có nguyện vọng được sống với bà L, ông Đ cũng đồng ý để bà L tiếp tục nuôi 02 con chung nên bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là phù hợp cần chấp nhận. Do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Ông Đ không trực tiếp nuôi hai con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu ông Đ có căn cứ chứng minh bà L hạn chế quyền thăm nom con hoặc không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8]. Về án phí: bà L thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hương L về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Hồ Hiệp Đ .

Về hôn nhân: bà Đỗ Thị Hương L được ly hôn với ông Nguyễn Hồ Hiệp Đ .

Về nuôi con chung: Bà L được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Đỗ Hiệp Đ, sinh ngày 13/6/2007 và Nguyễn Diệu M, sinh ngày 30/7/2009. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi hai con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của

con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: bà Đỗ Thị Hương L được miễn án phí theo qui định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đơ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang